TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Triệu Thị Mới

Ông Đoàn Quốc Việt

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Xuân H ; nơi cư trú: Thôn NT, xã AH , huyện VB , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị N ; nơi cư trú: Thôn NT, xã AH , huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 10-8-1998. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ tháng 6/2001 chị N đã bỏ gia đình đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng chị mới về thăm con. Vợ chồng anh chị sống

ly thân từ tháng 6/2001 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N .

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Nguyễn Thị T , sinh ngày 04-01-2000 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh có 01 con riêng là Nguyễn Thị D , sinh ngày 10-6-2007, anh chịu trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình.

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị N xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 6/2001 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ tháng 6/2001 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân H có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 04-01-2000 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H có 01 con riêng là Nguyễn Thị D , sinh ngày 10-6-2007, anh H có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình.

Về tài sản: Chị và anh Nguyễn Xuân H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ. Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án về tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Tuy nhiên việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân H

được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Nguyễn Thị T , sinh ngày 04-01-2000 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Anh H có 01 con riêng là Nguyễn Thị D , sinh ngày 10-6-2007, anh có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình. Về tài sản: Anh H và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị N đang cư trú tại Thôn NT, xã AH , huyện VB , thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 10-8-1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ tháng 6/2001 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh H nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N . Quá trình giải quyết vụ án chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với anh H . Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Nguyễn Xuân H xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Nguyễn Thị , sinh ngày 04-01-2000, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ngoài ra anh H có 01 con riêng là Nguyễn Thị D, sinh ngày 10-6-2007, anh H nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N .

2. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Nguyễn Thị T , sinh ngày 04-01-2000, hiện nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Xuân H có 01 con riêng là Nguyễn Thị D , sinh ngày 10-6-2007, anh H có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của mình.

3. Về tài sản: Anh Nguyễn Xuân H và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001022 ngày 22-5-2018. Anh Nguyễn Xuân H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã AH huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền